

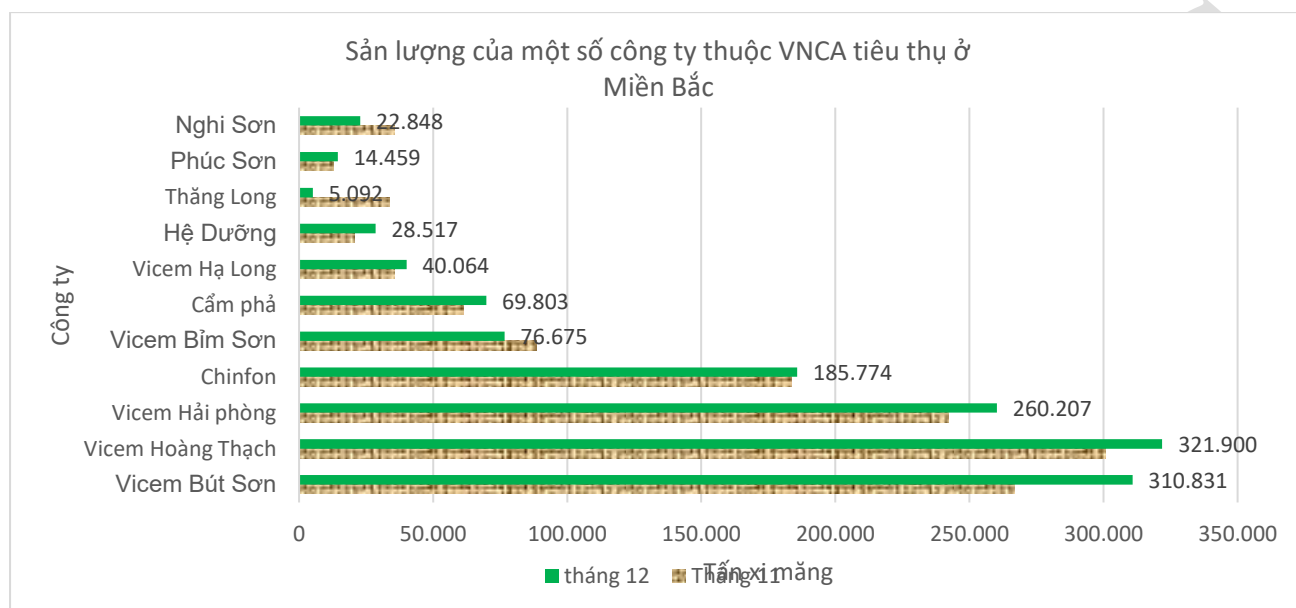
TÌNH HÌNH THỊ TRƯỜNG XI MĂNG VIỆT NAM THÁNG 12/2021

A- TIÊU THỤ NỘI ĐỊA:

I.Thị trường xi măng miền Bắc:

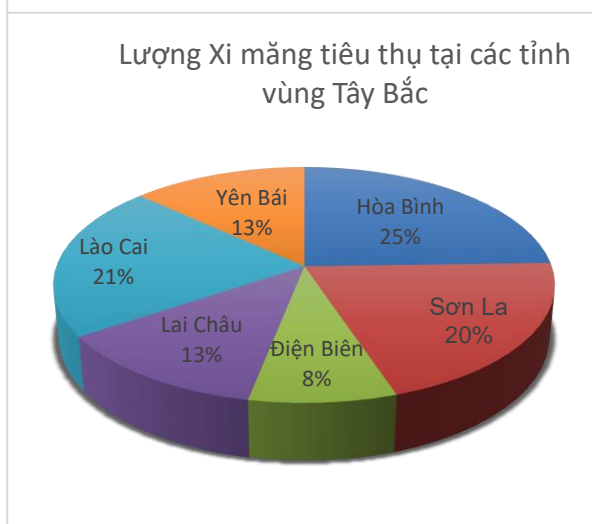
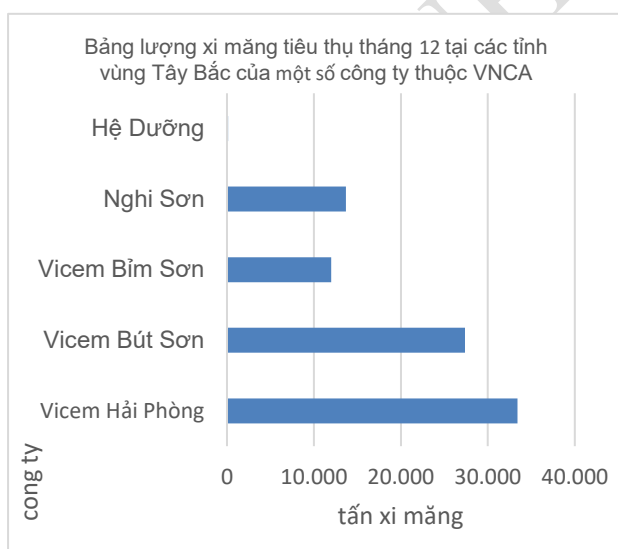
Tổng lượng tiêu thụ xi măng của cả nước tại địa bàn miền Bắc tháng 12/2021 là: 2.258.008 tấn (tháng 11 là 2.136.702 tấn).

Sản lượng tiêu thụ tại miền Bắc của một số công ty xi măng thuộc VNCA như sau:

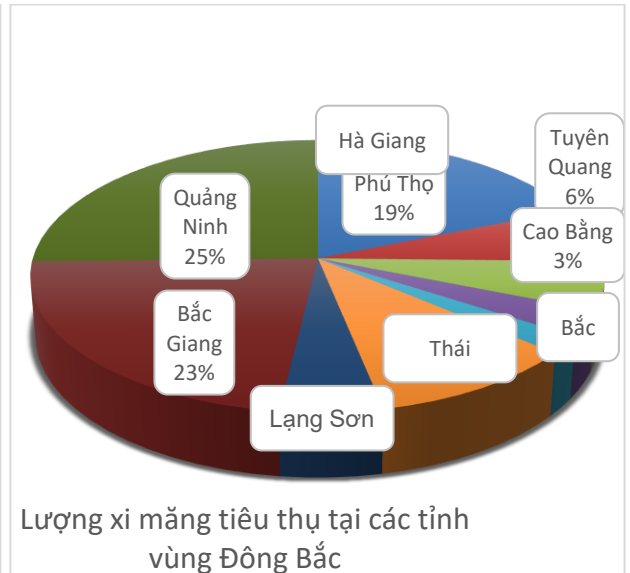
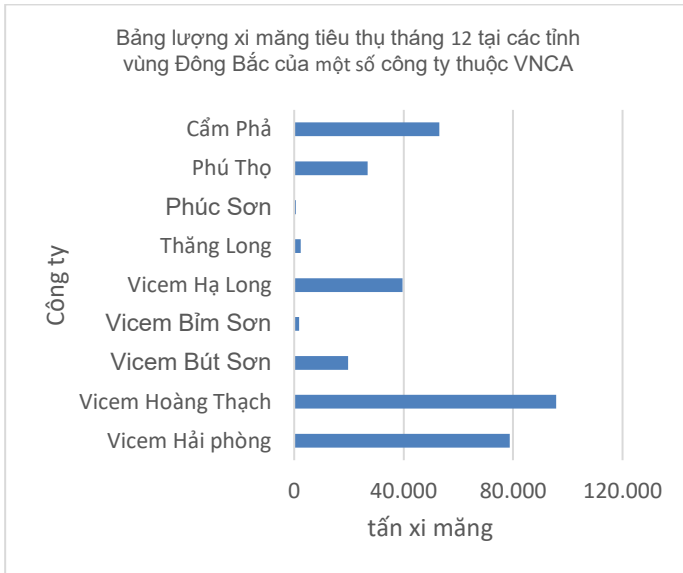


Lượng xi măng tiêu thụ tại các vùng ở Miền Bắc trong tháng 12/2021 như sau:

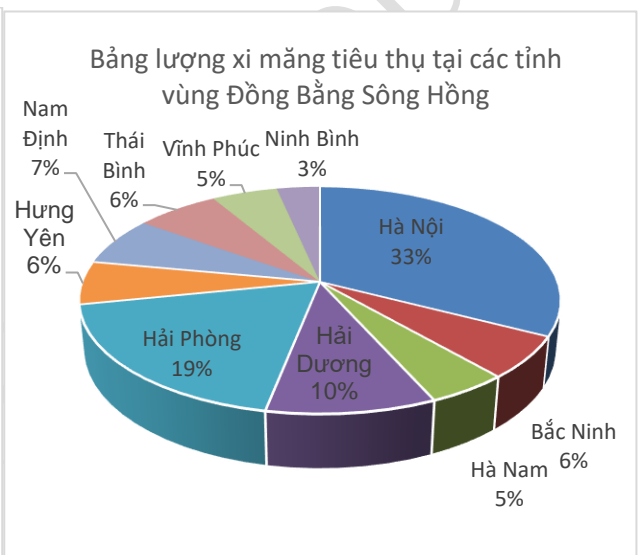
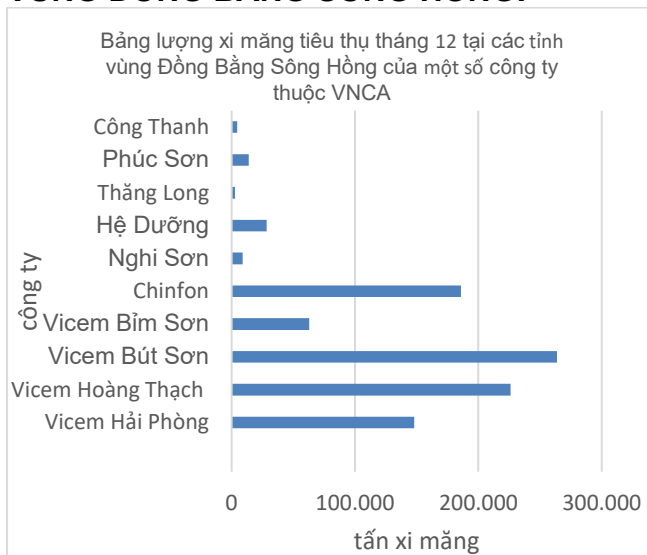
VÙNG TÂY BẮC:



VÙNG ĐÔNG BẮC:



VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG:



Giá bán lẻ một số chủng loại xi măng trên địa bàn Miền Bắc như sau:

Giá không ghi chú chủng loại thì được hiểu là giá PCB 30 (đơn vị: nghìn đồng/tấn)

1. Tại Yên Bái:

- XM Yên Bái: 1.230 (giá tại nhà máy)
- XM Tam Điệp: 1.540

2. Tại Lạng Sơn:

- XM Hoàng Thạch: 1.520
- XM Lạng Sơn: 1.000

3. Tại Thái Nguyên:

- XM La Hiên: 1.290
- XM Quang Sơn: 1.320
- XM Tuyên Quang: PCB 30: 1.180 PCB 40: 1.280

4. Tại Quảng Ninh:

- XM Hoàng Thạch: 1.520
- XM Phúc Sơn: 1.410
- XM Chin Fon: 1.420
- XM Lam Thạch : 1.260
- XM Thăng Long PCB 40: 1.350
- XM Hạ Long PCB 40: 1.390
- XM Cầm phả PCB 40: 1.360

5. Tại Bắc Ninh:

- Xi măng Hoàng Thạch: 1.490
- XM Cầm Phả PCB 40: 1.380

- XM Phúc Sơn: 1.410
- XM Nghi Sơn PCB40: 1.450
- XM Chinfon: 1.480

6. Tại Bắc Giang:

- XM Hoàng Thạch: 1.490

- XM Cẩm Phả PCB 40: 1.410
- XM Phúc Sơn: 1.390
- XM Thăng Long PCB 40 1.410
- XM Hoàng Mai: 1.510

7. Tai Hải Dương: - XM Chinfon: 1.450 - Hoàng Thạch: 1.490

- XM Cẩm phả PCB 40	1.380	- XM Phúc Sơn:	1.400
---------------------	-------	----------------	-------

8. Tai Hưng Yên: - XM Hoàng Thạch: 1.460

- XM Chin Fon:	1.380	- XM Bút Sơn:	1.450
-XM Phúc Sơn:	1.310		

9. Tai Thanh Hoá: - XMVLXD Bỉm Sơn: 1.150

- XM Bỉm Sơn: 1.390
- XM Nghi Sơn PCB 40 1.290
- XM Hoàng Mai 1.350
- XM Tam Điệp: 1.310

10. Tai Ninh Bình: - XM Tam Điệp: 1.300 - XM Hệ Dưỡng: 1.120 (giá tại nhà máy)

- XM Bỉm Sơn: 1.300

11. Tai Nam Định: -XM Hoàng Thạch: 1.450 XM Cẩm phả: 1.370

- XM Bỉm Sơn: 1.490
- XM Bút Sơn: 1.450
- XM Chin Fon: 1.450

12. Tai Thái Bình:

- XM Bỉm Sơn: 1.460
- XM Chin Fon: 1.410
- XM Thăng Long: 1.410
- XM Bút Sơn: 1.460
- XM Cẩm phả: 1.390

13. Tai Hà Nội.

- XM Chin Fon: 1.375
- XM Hoàng Thạch: 1.610
- XM Phúc Sơn: 1.510
- XM Bỉm Sơn: 1600
- XM Tam Điệp: 1590
- XM Bút Sơn: 1590
- XM Thăng Long PCB 40: 1.530
- XM Nghi Sơn PCB 40:1.570
- XM Cẩm Phả: 1.540

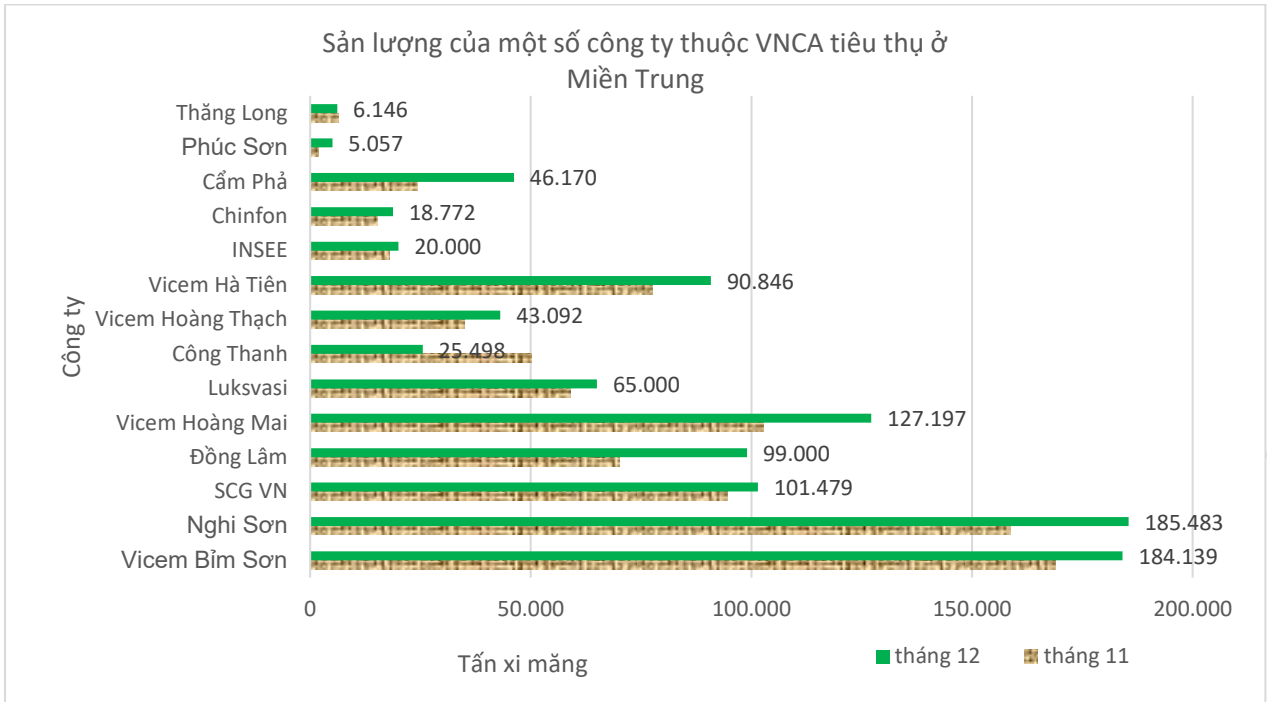
15. Tai Hải phòng: - XM ChinFon: 1.490 XM Cẩm phả: 1.450

- XM Hải phòng: 1.490
- XM Phúc Sơn: 1.420

II. Thị trường xi măng miền Trung:

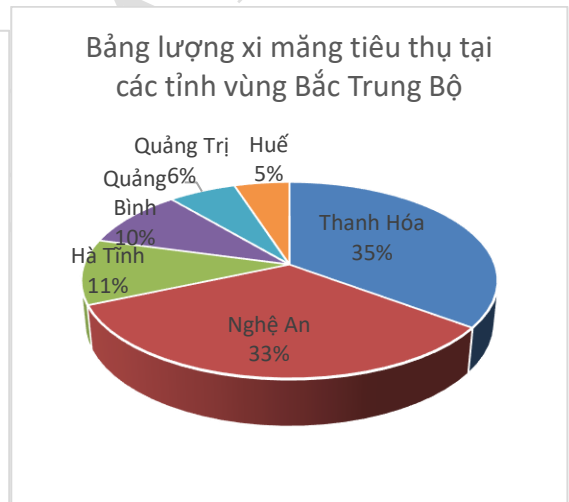
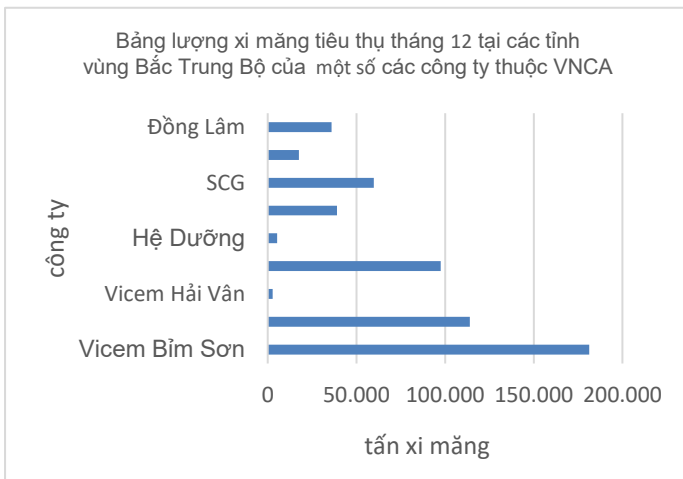
Tổng lượng tiêu thụ xi măng của cả nước tại địa bàn miền Trung tháng 12/2021: 1.621.425 tấn (tháng 11 là 1.448.287 tấn).

Sản lượng tiêu thụ tại miền Trung của một số công ty xi măng thuộc VNCA như sau:

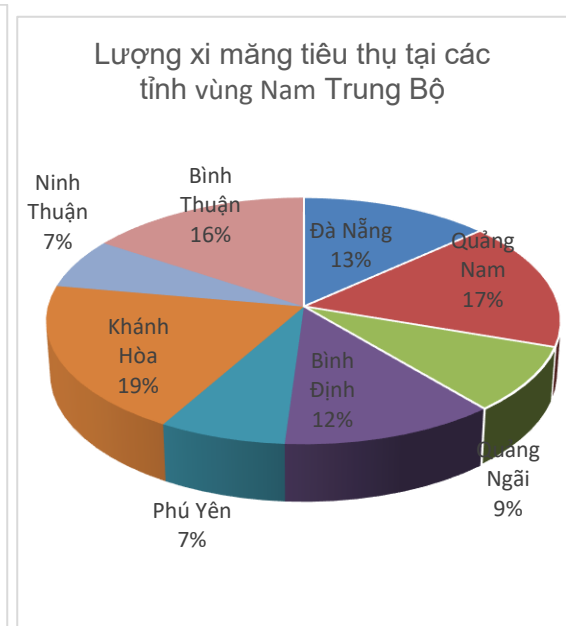
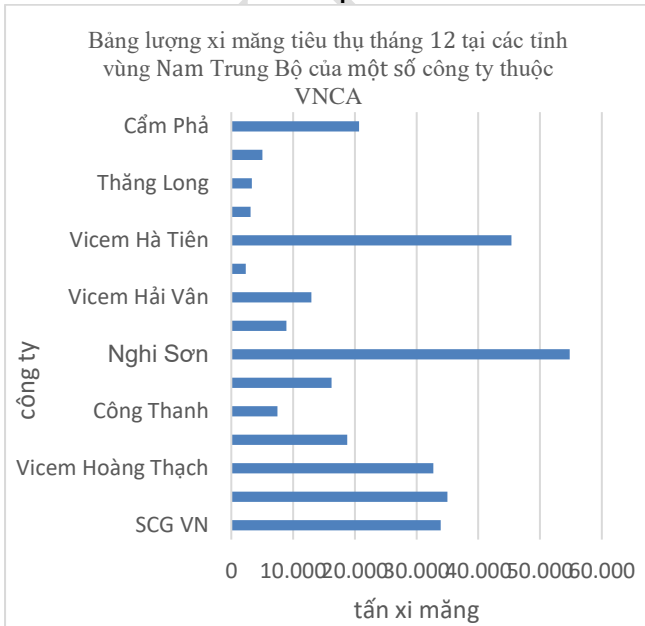


Lượng xi măng tiêu thụ tại các vùng ở Miền Trung trong tháng 12/2021 như sau:

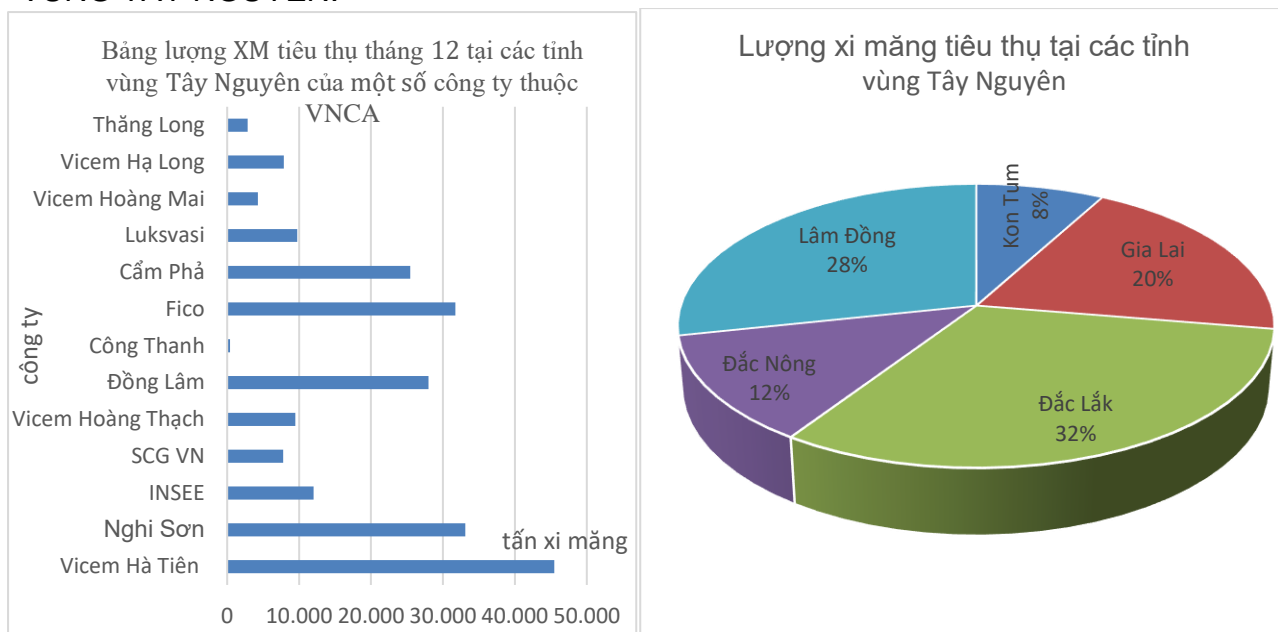
VÙNG BẮC TRUNG BỘ:



VÙNG NAM TRUNG BỘ



VÙNG TÂY NGUYÊN:



Giá bán lẻ một số chủng loại xi măng trên địa bàn Miền Trung như sau: (đơn vị: nghìn đồng/tấn)

*** Giá XM tại Nghệ An, Hà Tĩnh:**

- XM Sông Gianh: 1.100
- XM Bỉm Sơn: 1.410
- XM Hoàng Mai PCB 40: 1.410

*** Giá XM tại Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế:**

- XM COSEVCO 11: 1.100
- XM Quảng Trị: 980
- XM Sông Gianh: 1.360
- XM Luks VN PCB 40: 1.300
- XM Hoàng Mai PCB 40: 1.400

*** Giá XM tại Đà Nẵng, Quảng Nam, Quảng Ngãi:** - XM Sông Gianh: 1.540 - XM Hải Vân (tại Nhà máy): 1.450

- XM Nghi Sơn PCB 40: 1.480
- XM Hoàng Thạch PCB 40: 1.600
- XM Hoàng Mai PCB 40: 1.580
- XM Phúc Sơn: 1.530
- XM luks VN PCB 40: 1.590
- ChinFon: 1.440

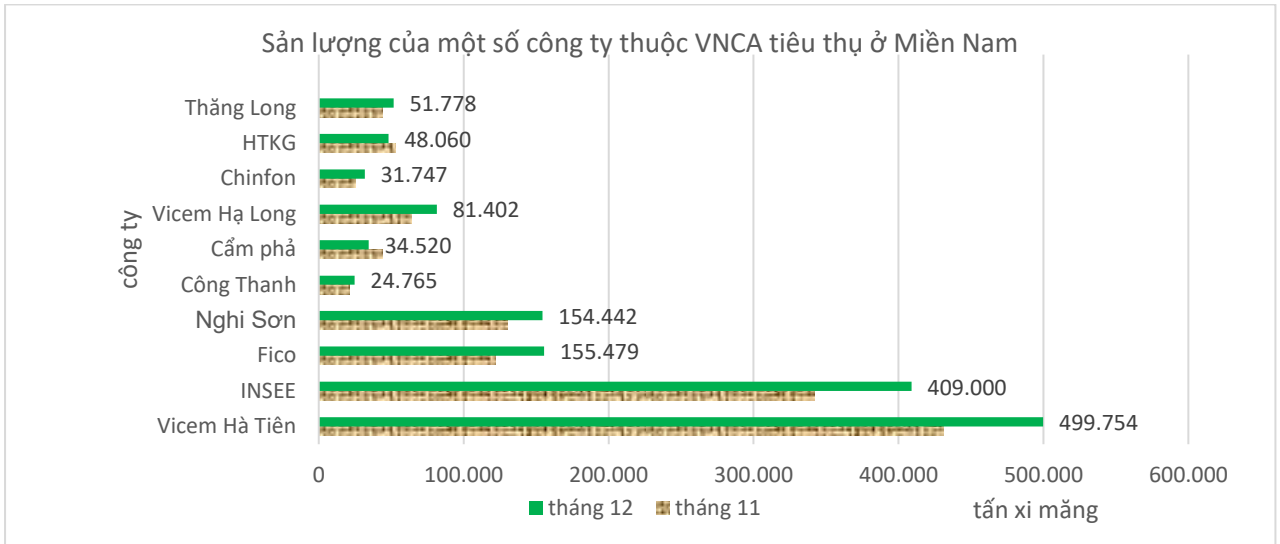
*** Giá XM tại Gia lai, Đắk Lắk, Kontum:** XM Hoàng Thạch: 1.880

- XM Hà tiên Vicem PCB 40(giá đến người tiêu dùng): 1.950
- XM Thăng Long 1.800
- XM Hoàng Mai PCB 40: 1.890

III. Thị trường xi măng Miền Nam:

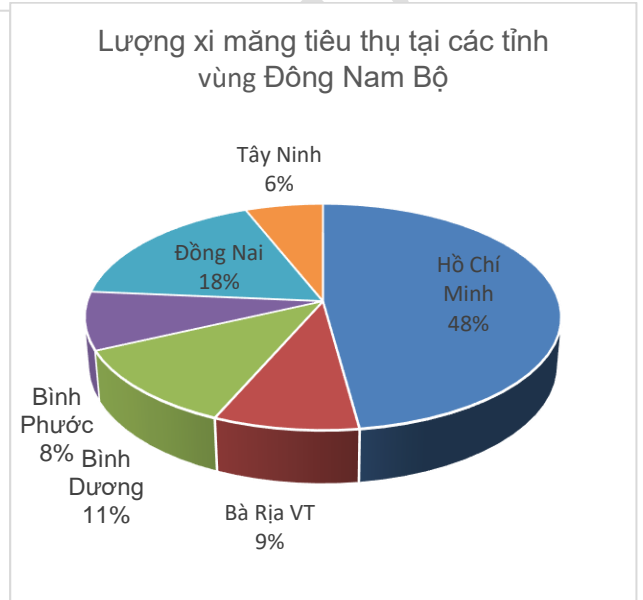
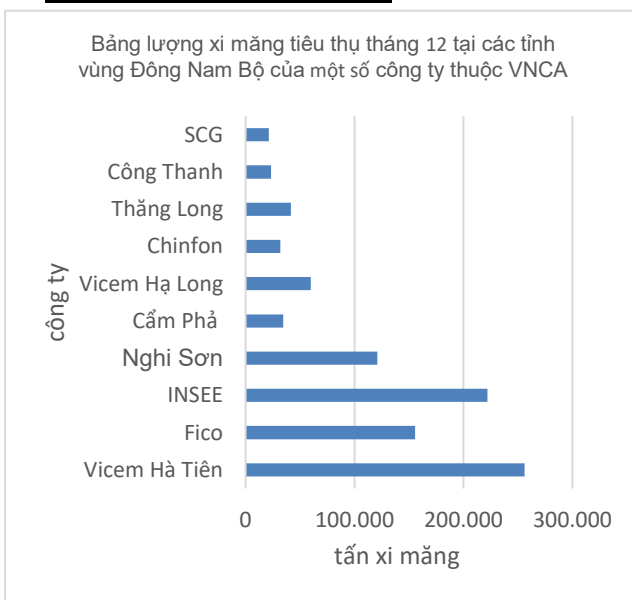
Tổng lượng tiêu thụ xi măng của cả nước tại địa bàn miền Nam là: 2.256.337 tấn (tháng 11 là 1.985.080 tấn).

Sản lượng tiêu thụ tại miền Nam của một số công ty xi măng thuộc VNCA như sau:

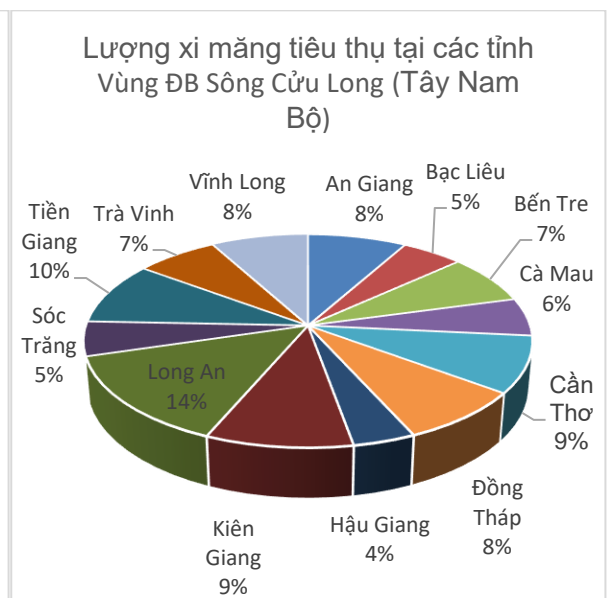
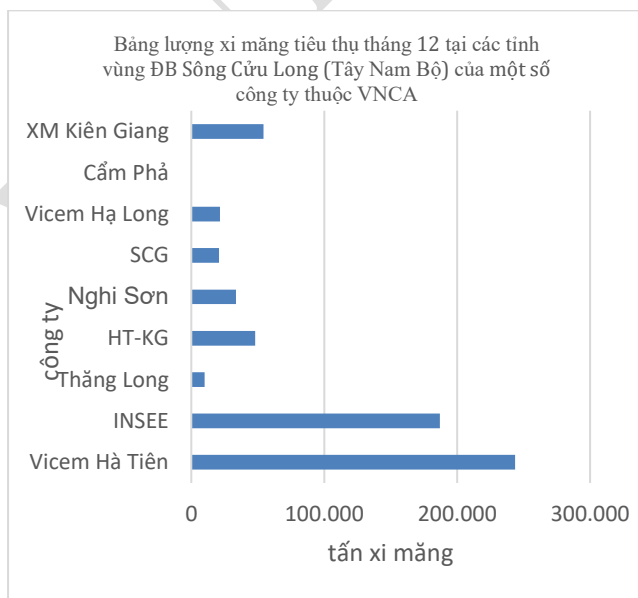


Lượng xi măng tiêu thụ tại các vùng ở Miền Nam tháng 11/2021 như sau:

VÙNG ĐÔNG NAM BỘ:



VÙNG ĐB SÔNG CỬU LONG (TÂY NAM BỘ):



Giá một số chủng loại xi măng trên địa bàn Miền Nam như sau: (đơn vị: nghìn đồng/tấn)

*** Giá xi măng tại Thành phố HCM:**

- XM Vicem -Hà Tiên PCB 40 (giá đến người tiêu dùng) : 1.800 ; XM Starcem: 1.700
- XM Nghi Sơn PCB 40: 1.690 - XM FICO: 1.600
- XM ChinFon :1.580 - XM INSEE đa dụng PCB 40: 1.730 (giá tại nhà máy)
- XM Cẩm phả PCB 40: 1.680 - XM Công Thanh: 1.600 (giá đến người tiêu dùng)

*** Giá xi măng tại Cần Thơ và các tỉnh lân cận:**

- XM FICO Tây Ninh: 1.600 - XM Nghi Sơn PCB 40: 1.620
- XM Tây Đô tại Công ty PCB 40 1.394; PCB 50 xá: 1.353 XM Hà tiên Vicem PCB 40 đa dụng giá đến người tiêu dùng): 1.520
- INSEE: 1.800

- * Giá xi măng tại Kiên Giang:** - XM Hà tiên Vicem PCB 40 (giá đến người tiêu dùng): 1.580
 XM Hà Tiên-Kiên Giang (cá sấu) PCB 30 tại kho: 1.150 PCB 40: 1.250
 XM Kiên giang (hiệu sư tử thấp) PCB 40: 1.250

Nhận xét chung thị trường nội địa:

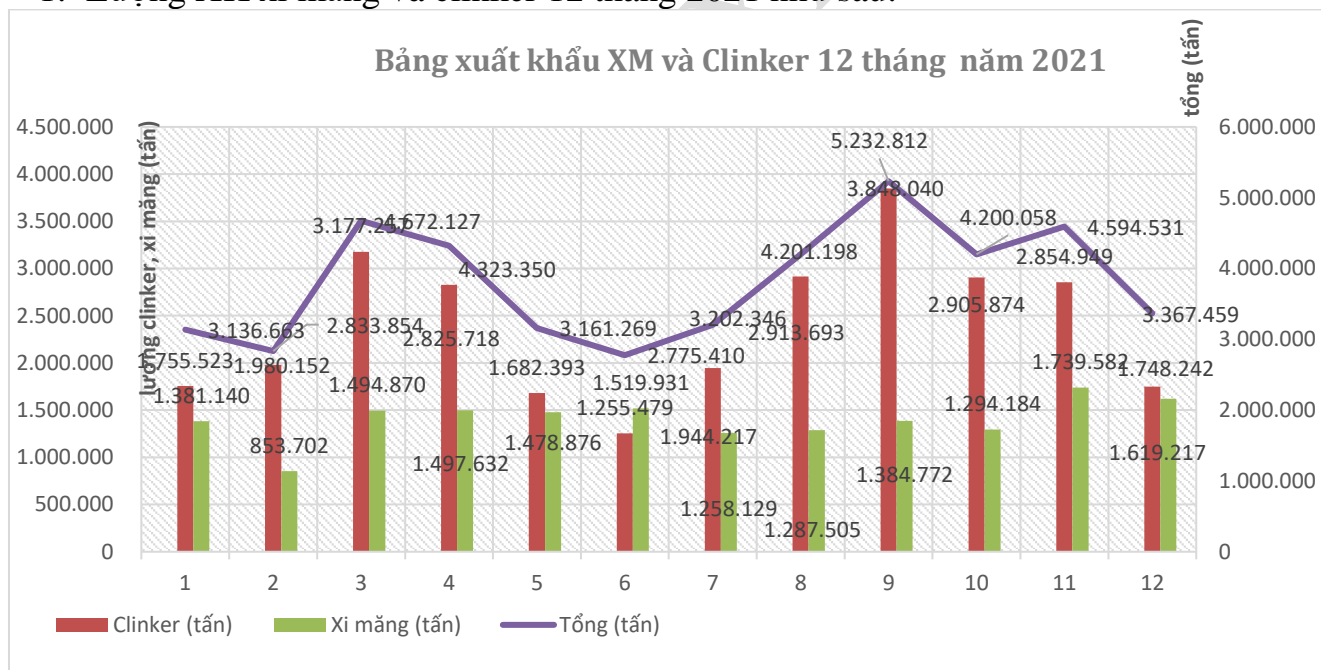
Về tiêu thụ xi măng: tăng nhẹ do nhu cầu xây dựng cuối năm.

Về giá bán xi măng: ổn định như tháng 11

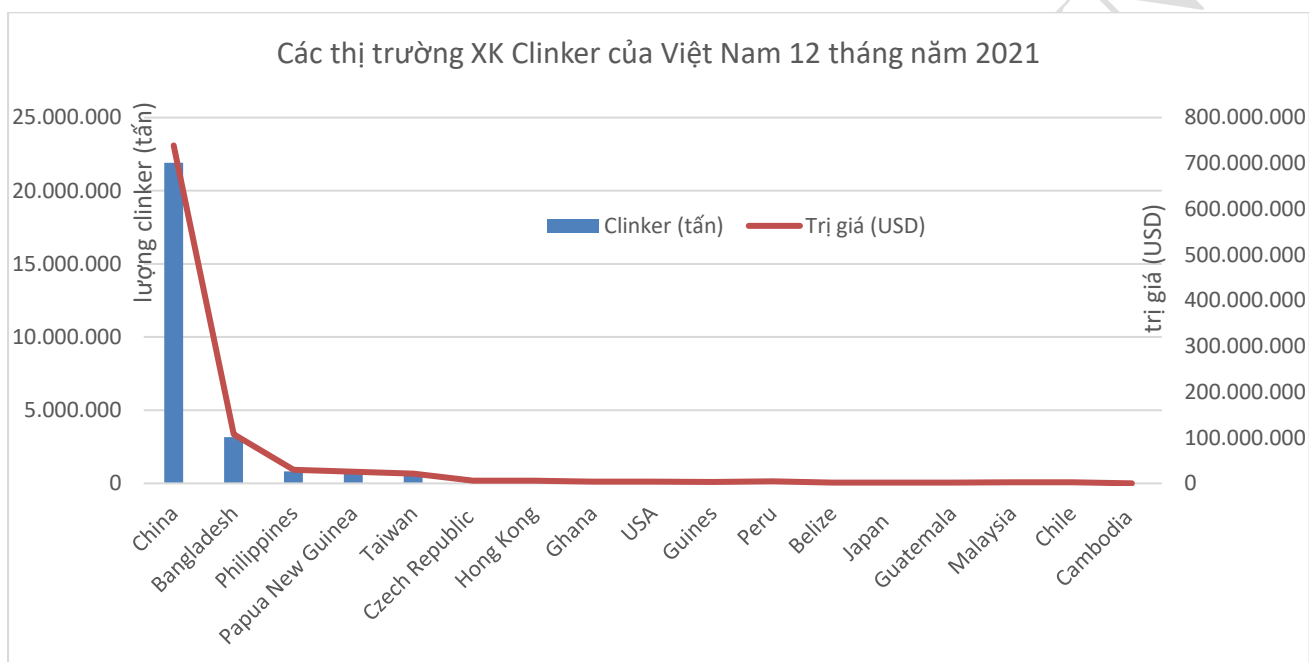
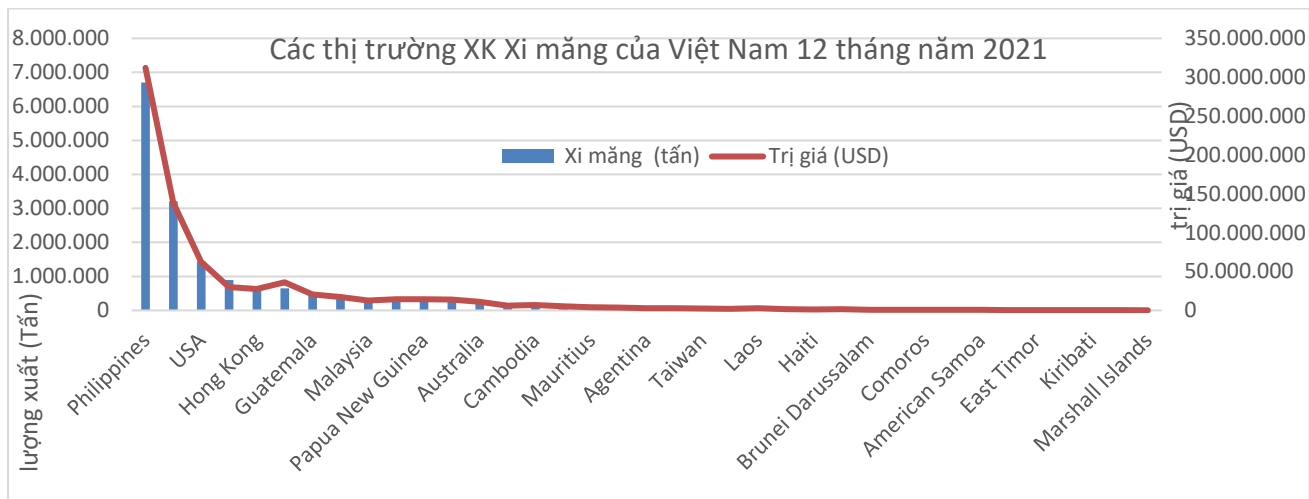
Tồn kho cuối tháng 12: Xi măng: 0,8 triệu tấn; clinker: 3,2 triệu tấn.

B- XUẤT KHẨU (XK):

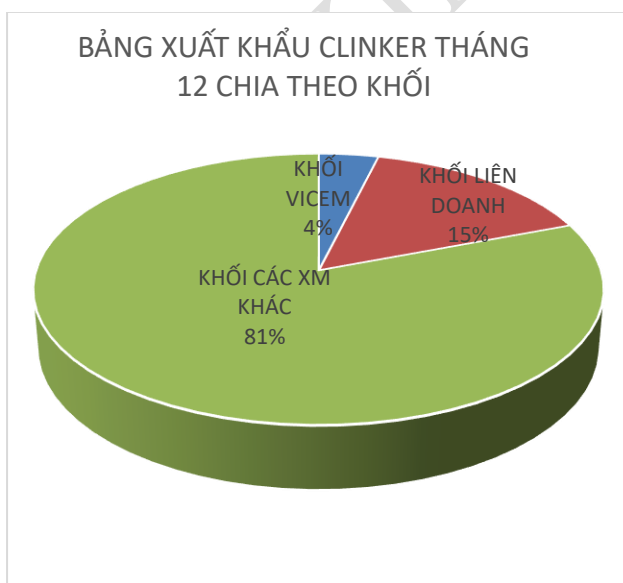
1. Lượng XK xi măng và clinker 12 tháng 2021 như sau:



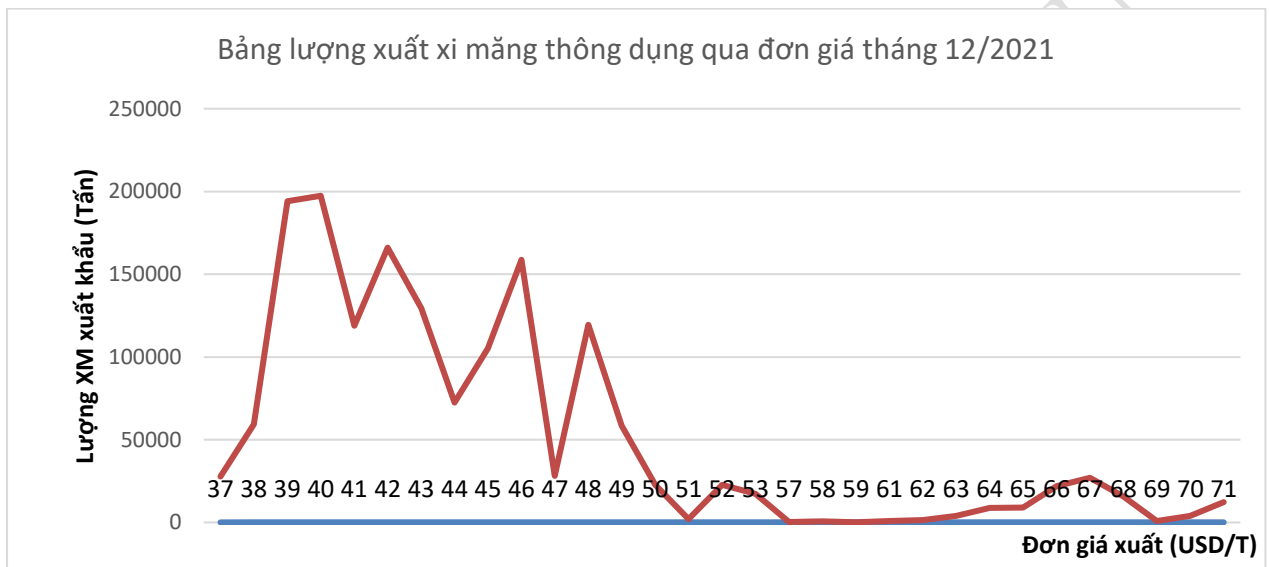
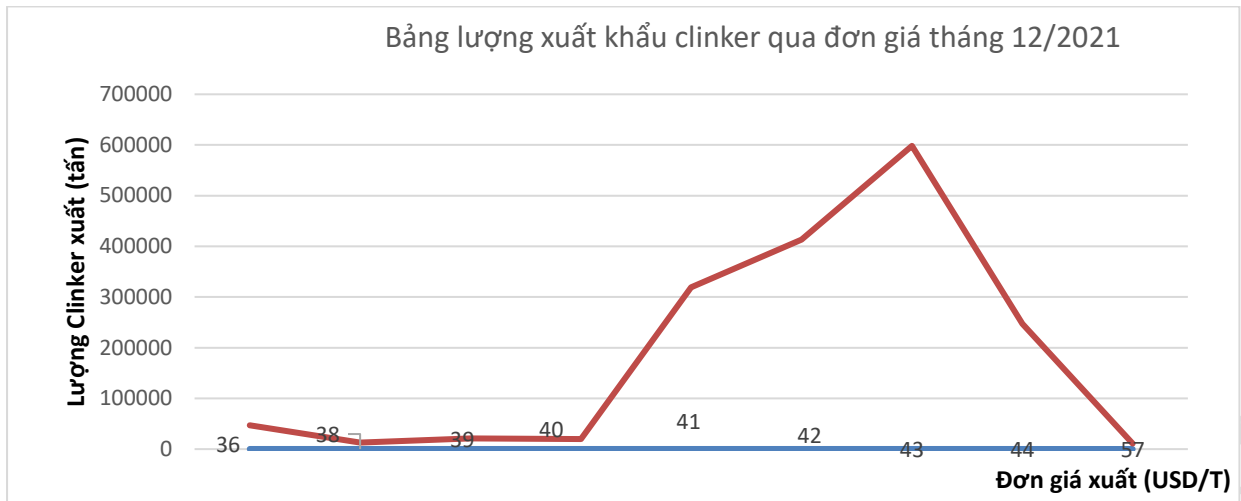
2. Các thị trường XK xi măng và clinker của Việt Nam 12 tháng năm 2021:



3. Sản lượng xuất khẩu xi măng và clinker tháng 12 chia theo các khối:



4. Bảng lượng và đơn giá xuất khẩu xi măng loại thông thường và clinker trong tháng 12/2021 như sau:



C- SX THÁNG 12/2021, KẾ HOẠCH THÁNG 1/2022 VÀ LŨY KẾ TTND NĂM 2021:

Đơn vị: Tấn

	Đơn vị	SX XM tháng 12/2021	Lũy kế SX xi măng 2021	Kế hoạch TTND T1/2022	Lũy kế TTND năm 2021
A	Khối VICEM	2.380.631	24.037.915	1.502.100	20.204.908
1	Vicem Hải Phòng	150.000	1.643.216	198.500	2.567.521
2	Vicem Bim Sơn	341.953	3.261.947	141.000	2.861.633
3	Vicem Hoàng Thạch	381.000	3.728.003	272.600	3.699.588
4	Vicem Bút Sơn	320.101	3.113.871	230.000	2.791.337
5	Vicem Hà Tiên	544.400	5.771.524	450.000	5.930.510
6	Vicem Hải Vân	50.000	515.091	9.000	103.897
7	Vicem Hoàng Mai	160.000	1.553.600	104.000	1.082.518
8	Vicem Tam Điệp	110.429	1.273.526		27
9	Vicem Hạ Long	218.000	2.043.368	97.000	1.157.473
10	Vicem Sông Thao	104.749	1.133.767		6.242
B	Khối LD	1.553.550	16.595.315	960.050	14.217.251

1	XM Nghi Sơn	469.613	4.635.231	285.500	3.881.973
2	XM Chinfon	227.520	2.710.998	169.550	2.688.118
3	Siam City Cement	440.000	4.070.000	240.000	3.734.096
4	XM Luks (Vietnam)	85.000	1.140.000	60.000	859.000
5	XM Thăng Long	90.000	1.265.000	50.000	782.586
6	XM Hệ Dưỡng	37.417	375.086	25.000	369.050
7	SCG VN	175.000	1.920.000	110.000	1.644.244
8	XM Phúc Sơn	29.000	479.000	20.000	258.184
C	Khối các Cty xm khác	3.390.000	39.298.481	2.600.000	28.285.000
	Toàn XH: (A+B+C)	7.324.181	79.931.711	5.062.150	62.707.159

Đánh giá:

- TTND tháng 12/2021: 6.135.769 tấn bằng 100% so với cùng kỳ năm 2020, bằng 110% so với tháng 11/2021. Tổng tiêu thụ nội địa 12 tháng năm 2021 là 62.707.159 tấn giảm 2% cùng kỳ năm 2020.
- Xuất khẩu tháng 12/2021: 3.367.459 tấn (trong đó xi măng 1.619.217 tấn và clinker là 1.748.242 tấn) bằng 93% so với cùng kỳ 2020, bằng 73% so với tháng 11/2021. Tổng xuất khẩu 12 tháng năm 2021 đạt 45.701.077 tấn (trong đó xi măng là 16.809.540 tấn bằng 36,8% và clinker là 28.891.537 tấn) bằng 120% so với cùng kỳ năm 2020.
- TTND và xuất khẩu tháng 12/2021: 9.503.228 tấn bằng 98% so với cùng kỳ năm 2020, bằng 93% so với tháng 11/2021.
- TTND và XK năm 2021 đạt 108.408.236 tấn bằng 107% so với cùng kỳ năm 2020.